

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Ngày soạn: 28/10/2025
Ngày dạy: Tuần 12-14
Tiết 35-41

BÀI 4

TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: 08 tiết

(Đọc: 04 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.
- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Nắm bắt được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.

2. Về năng lực:

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

3. Về phẩm chất:

Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu. Biết rèn luyện đạo đức liêm chính và trách nhiệm của thế hệ trẻ với bản thân và xã hội.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 35,36- VĂN BẢN 1:

LỜI TIỄN DẶN

(Trích *Tiến dặn người yêu* – Truyện thơ dân tộc Thái)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Học sinh nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Học sinh nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).
- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

Học sinh đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

2. Học liệu: Đĩa/video hát của các nghệ nhân về “Xống trụ xon xao”- Tiễn dặn người yêu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: 100% HS sẵn sàng tiếp cận, hứng thú với bài học.

b. Nội dung: Những tri thức nền về thơ và truyện thơ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS xem video Xống chụ xon xao và trả lời câu hỏi: cảm nhận của em về lời hát của các nghệ nhân. Hoặc hỏi học sinh về 1 số phong tục của dân tộc Thái: hôn nhân, sinh hoạt... B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV kết luận, đưa ra dữ kiện bổ sung (nếu có). - GV kết luận, dẫn dắt vào bài.	Tái hiện tri thức về truyện thơ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS nhắc lại khái niệm truyện thơ, truyện thơ dân gian; nhận biết được yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

a. Nội dung: Những tri thức về môn Ngữ văn

b. Sản phẩm: Phiếu HT số 1

c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm 4, hoàn thành bảng đối chiếu truyện thơ và truyện thơ dân gian. Sau khi xong, GV chiếu đáp án trên màn hình. HS các nhóm chấm chéo và tự chỉnh sửa bằng bút màu khác.			I. TRI THỨC NGŨ VĂN 1. Truyện thơ và truyện thơ dân gian a. Truyện thơ – Loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... được thể hiện dưới hình thức thơ. – Dung lượng lớn. – Bao quát được nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. b. Truyện thơ dân gian Mang các đặc điểm của văn học dân gian:
Tiêu chí	Truyện thơ	Truyện thơ dân gian	
Khái niệm			
Đặc điểm			

Cốt truyện			– Do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác.
Nhân vật			– Lưu hành chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết.
Ngôn ngữ			– Khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyền thuyết, cổ tích, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường.
- Đọc phân tri thức Ngữ văn trong sgk, điền khuyết vào chỗ trống để hoàn thành những đặc điểm của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình. + Thơ trữ tình ưu tiên thể hiện của nhân vật trữ tình. + Trong thơ trữ tình có các yếu tố....., độc giả dễ nhận ra bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện. + Các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ			– Kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và trữ tình.
B2. Thực hiện nhiệm vụ			– Thể hiện đời sống hiện thực, những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo.
Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã phân công			– Ngôn ngữ giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,...
B3. Báo cáo thảo luận			– Truyện thơ dân gian đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
Hs gửi phiếu kết quả			2. Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:			– Thơ trữ tình ưu tiên thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung			– Trong thơ trữ tình có các yếu tố tự sự, độc giả dễ nhận ra bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện.
- GV nhận xét, kết luận			– Các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1 - LỜI TIỀN DẶN

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: nhận biết được một số yếu tố của thơ và truyện thơ.

b. Nội dung: tìm hiểu chung về tác phẩm, đoạn trích.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung
- Đọc: HS đọc nối tiếp, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc (theo dõi, dự đoán, chú thích, tưởng tượng). - Trong quá trình đọc, gặp các thẻ câu hỏi theo dõi, dự đoán, tưởng tượng dừng lại 1 phút để suy ngẫm.	1. Tác phẩm <i>Tiền dặn người yêu</i> - Tiền dặn người yêu (Xông chụ xon xao) của dân tộc Thái là truyện thơ nổi tiếng trong kho tàng truyện thơ các dân tộc thiểu số. - Dung lượng: 1846 câu thơ trong đó có khoảng gần 400 câu là lời chàng trai tiền dặn cô gái.

- Nêu những thông tin chung về tác phẩm “Tiễn dặn người yêu” và đoạn trích “Lời tiễn dặn”. - Tóm tắt văn bản “Tiễn dặn người yêu”: HS trình bày trong 1-2 phút. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ trên lớp Bước 3: Báo cáo kết quả HS nêu những nét chính về tác phẩm và đoạn trích. Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận GV nhận xét, kết luận Ngày từ thời thơ ấu, họ đã gắn bó với nhau. Đến tuổi trưởng thành, họ mong ước được kết đôi chồng vợ nhưng cha mẹ cô gái không chấp thuận vì chê anh nghèo và chọn chàng rể giàu có Chàng trai đau khổ quyết đi xa để làm giàu với hi vọng sẽ về giành lại người yêu Ngày anh trở lại bản làng quê hương với nhiều tiền bạc cũng là ngày cô gái phải về nhà chồng Không thể làm gì khác, chàng trai chỉ còn biết làm người đưa chân để nói những lời tiễn dặn tha thiết.	- Nội dung: kể về chuyện tình éo le, đắm nước mắt của đôi nam nữ dân tộc Thái. - Tóm tắt (sgk) 2. Đoạn trích <i>Lời tiễn dặn</i> - Đoạn trích gồm 2 đoạn được ghép thành từ hai lời tiễn dặn trong tác phẩm. - Nội dung: + Lời 1: thể hiện tâm sự của chàng trai khi tiễn dặn cô gái về nhà chồng. + Lời 2: bộc lộ niềm thương xót của anh khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng đánh đập, hành hạ. => Cả 2 lời đều tha thiết, cảm động, cho thấy tình yêu sắt son, bền chặt, mãi không nhạt phai giữa hai nhân vật chính. - Nghệ thuật: Kết hợp tự sự và trữ tình. Lối diễn đạt mộc mạc, gần gũi.
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS phân tích được được các yếu tố tiêu biểu của thơ và truyện thơ: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả; ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình; Hiểu được chủ đề của văn bản; liên hệ được sự giống và khác nhau giữa các nhân vật trữ tình ở các bài thơ, truyện thơ khác nhau; nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

b. Nội dung: Nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Xác định bối cảnh của câu chuyện và Lời kể chuyện? Cá nhân làm -> GV chốt Bối cảnh: Cô gái và chàng trai yêu nhau nhưng không đến được với nhau. Cô gái phải đi lấy người khác và chàng trai	II. Khám phá văn bản 1. Bối cảnh của câu chuyện và Lời kể chuyện a. Bối cảnh của câu chuyện Những trở ngại ngăn đôi trai gái yêu nhau thành vợ chồng, do đó càng làm bùng ước nguyện gắn bó của 2 người. b. Lời kể chuyện

muốn đến tiền cô để nói lời từ biệt cùng tấm lòng son sắt. Họ ngồi lại cánh đồng nói chuyện và ai cũng mang theo tâm trạng không lờ mờ. Lời kể trong đoạn trích của ai? So với 1 số tác phẩm viết bằng văn xuôi đã học, lời kể ở đây có điểm gì đặc biệt? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc. Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận Nhiệm vụ 2: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Hình thức: Làm việc nhóm, lớp chia thành 3 nhóm tương ứng với 3 nhiệm vụ (Hs chuẩn bị ở nhà). - Mỗi nhóm tự chuẩn bị nhiệm vụ của nhóm ở nhà theo phân công sau: + Nhóm 1: Chàng trai và cô gái có tâm trạng như thế nào khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng. + Nhóm 2: Hoàn cảnh của cô gái ở nhà chồng và thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó. + Nhóm 3: Lời thề nguyện thủy chung được thể hiện như thế nào? - Hình thức: Các nhóm tự lựa chọn hình thức nhưng phải đảm bảo yêu cầu: Có sản phẩm cụ thể để các nhóm khác có thể hiểu về ý tưởng và nội dung của nhóm mình làm. Mỗi nhóm cần chuẩn bị 1 phiếu bài tập mà nhóm mình đã làm để kiểm tra lại các thông tin sau khi các nhóm khác đến nhóm mình tìm hiểu. - Yêu cầu trên lớp: Các nhóm sẽ có tối đa 5p để chia sẻ những phần mà nhóm mình đã chuẩn bị ở nhà để các nhóm khác lắng nghe. Sau khi lắng nghe thì các nhóm phải hoàn thành phần bài tập hoặc trò chơi mà nhóm đã chuẩn bị. ? Nhận xét tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng và cách thể hiện tâm trạng ấy trong <i>Lời tiễn dặn</i>? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	- Lời kể: của chàng trai. - Đặc điểm lời kể: Lời kể trong câu chuyện từ ngôi thứ nhất. Nhưng do lời kể được thể hiện bằng hình thức thơ nên tính trữ tình gia tăng, gây ấn tượng đoạn trích mang đặc điểm tương tự một bài thơ trữ tình dài với nội dung chính là thổ lộ cảm xúc của chủ thể. 2. Tâm trạng của nhân vật trữ tình * Tâm trạng của chàng trai và cô gái khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng – Tâm trạng của cô gái: + Vừa đi - vừa → ngoảnh lại → ngoái trông → lòng càng đau càng nhớ. => Sự lưu luyến, nuối tiếc, đau đớn, nhớ nhung, tuyệt vọng của cô gái. + Cô gái đi qua các khu rừng: Rừng ốt - cay. Rừng cà - đắng. Rừng lá ngón - độc địa. → Những từ “cay”, “đắng”, “độc địa” có lẽ là cuộc sống mà cô gái sắp phải đối mặt và bộc lộ tâm trạng đau đớn, buồn bã. Sự “chờ”, “đợi”, “ngóng trông” của cô gái là vô vọng. Cô gái dường như đang muốn kéo cho dài ra giây phút được ở bên người yêu: Vừa đi vừa ngoảnh lại – tìm cơ dừng lại để chờ chàng trai! => Cô gái đau nhớ, chờ đợi, ngóng trông. Dồn hết tâm trí vào người yêu mà quên đi thực tại. Tác giả vừa trực tiếp gọi tên tâm trạng, vừa miêu tả các cử chỉ ngoại hiện làm nổi bật tình cảnh bi thiết của cô gái và khắc họa sâu sắc những gì diễn ra trong nội tâm nhân vật. – Tâm trạng của chàng trai: + Nhấn nhủ, dặn dò. + Muốn ngồi lại, âu yếm bên cô gái. + Nặng con riêng của cô gái → Lòng trân trọng cô gái và tâm trạng xót xa, đau đớn của anh. + Chàng trai muốn mượn hương người yêu từ lúc này để mai đây “lửa xác đượm hơi” → suốt
---	---

Bước 3: Báo cáo kết quả - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc. Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận ? Cho biết cách cư xử của chàng trai trong việc chứng kiến cô gái về nhà chồng? ? Qua lời chàng trai căn dặn người yêu, em thấy nhân vật này là người như thế nào? (chung tình, nhân hậu, kiên trì. Luôn nói lời thề nguyện sắt son; ân cần với con của người yêu; vỗ về, chăm sóc khi người yêu bị hành hạ) ? Điều gì xảy ra với cô gái khi ở nhà chồng? ? Cử chỉ, thái độ của chàng trai khi chứng kiến cô gái bị đánh? ? Qua đoạn trích chàng trai hiện lên với đặc điểm nào? Bạn thấy xúc động với biểu hiện nào nhất của chàng trai? ? So sánh lời thề nguyện thủy chung và cách thể hiện lời thề nguyện ấy trong 2 lời tiễn dặn? Gv: Điệp từ “chết” và những hình ảnh thiên nhiên chỉ sự hoá thân gắn bó khăng khít của hai nhân vật trữ tình khẳng định tình yêu mãnh liệt, thủy chung son sắt của họ. + Các hình ảnh so sánh tương đồng: Tình đôi ta - tình Lú - Ưa Lòng ta thương nhau - bền chắc như vàng, đá + Các điệp ngữ (yêu nhau, yêu trọn) → Khát vọng, ý chí đoàn tụ ko gì lay chuyển được. Khát vọng đó như được tạc vào đá, khắc vào gỗ	đời anh không còn yêu thương ai hơn cô gái để đến lúc chết xác chàng có thể nhờ có hương người đó mà cháy đượm (theo phong tục của người Thái) → Khẳng định tình yêu thủy chung, mãnh liệt. + Lời hẹn ước của chàng trai đối với cô gái: Ước hẹn chờ đợi cô gái trong mọi thời gian, tình huống: Tháng năm lau nở Mùa nước đỏ cá về Chim tăng ló hót gọi hè Mùa hạ- mùa đông Thời trẻ- về già → Những khoảng thời gian được tính bằng mùa vụ và đời người. => Tâm trạng đầy đau đớn, tuyệt vọng và mâu thuẫn (vừa phải chấp nhận sự thật trớ trêu vừa muốn kéo dài giây phút tiễn chân, âu yếm bên nhau). Đồng thời, nó còn cho thấy lời ước hẹn quyết tâm chờ đợi đoàn tụ của chàng trai qua lời ước hẹn. * Hoàn cảnh của cô gái ở nhà chồng và thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó – Hoàn cảnh của cô gái khi ở nhà chồng: + Bố mẹ chồng xúi con trai đánh vợ + Bị chồng đánh đập – Cử chỉ, thái độ của chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái bị chồng đánh: + An ủi, vỗ về khi cô gái bị nhà chồng đánh đập, hắt hủi: “Dậy đi em... búu hộ” + Làm thuốc cho cô gái uống: “Anh chặt tre... khỏi đau” + Giúp cô làm lụng: “Tơ rối đôi ta... cán thuôn”. → Sự quan tâm, săn sóc ân tình → chàng trai trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cô gái. => Niềm xót xa, thương cảm sâu sắc của chàng trai đối với cô gái, từ đó trỗi dậy ý chí đưa người yêu về đoàn tụ cùng mình. * Lời thề nguyện thủy chung - Lời tiễn dặn 1: + “<i>Đôi ta yêu nhau đợi đến tháng Năm lau nở</i>” + “<i>Không lấy được nhau thời trẻ,về già</i>” -> sẽ yêu nhau trong mọi thời điểm, tình huống. Liệt kê dồn dập các tiết, các mùa trong năm làm nổi bật sự bền bỉ, nồng đượm của tình yêu qua năm tháng. - Lời tiễn dặn 2: + <i>Chết thành sông...mát lòng</i>
--	---

? Đoạn trích cho biết điều gì về không gian tồn tại và đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Thái?	+ <i>Chết thành đất....xanh thắm</i> + <i>Ta yêu nhau...không chuyển</i> + <i>Người xiêm xui...không nghe</i> -> Sẽ quyết chống lại mọi tác động ngược chiều để bảo vệ tình yêu. Nêu các giả định mang tính thử thách để tô đậm sự kiên định. 3. Không gian tồn tại và đời sống văn hoá của đồng bào dân tộc thái - Không gian tự nhiên: dân tộc Thái cư trú là miền núi, nơi có rừng cây, có suối nước khi vui khi đầy, có chim tăng ló hót, có hoa lau nở vào tháng 5. - Phong tục của đồng bào dân tộc Thái: + Hôn nhân: ở rể. + Tang lễ: hỏa táng. + Sinh hoạt: nấu cơm lam, dệt vải...
--	---

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện thơ; giá trị tư tưởng của văn bản.

b. Nội dung: Đặc sắc nghệ thuật; Giá trị tư tưởng

c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs tổng kết văn bản qua các yêu cầu: giá trị nội dung; Đặc sắc nghệ thuật. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc. Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung Đoạn trích thể hiện tâm trạng của chàng trai, cô gái trong hoàn cảnh trở trêu, yêu nhau mà không đến được với nhau. Qua đó tố cáo tục hôn nhân ngày xưa và là tiếng nói chứa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền tự do yêu đương cho con người. 2. Đặc sắc nghệ thuật - Yếu tố tự sự trong truyện thơ: chàng trai kể lại toàn bộ câu chuyện khi tiễn đưa cô gái – người mà anh yêu đi lấy chồng. - Cách xưng hô: “em yêu” hay “anh yêu em” => Cách gọi đậm chất trữ tình, đặc trưng cho lời ăn tiếng nói của đồng bào Thái. - Hình ảnh so sánh được chọn lọc đa dạng, biểu hiện phong tục, bản sắc văn hoá tinh thần, cảnh sắc thiên nhiên dân tộc Thái: “Đôi ta yêu nhau, tình Lú – Ủa mận nòng”. - Biện pháp lặp cấu trúc: Vừa đi vừa...; Chết...; Yêu nhau... => Nhấn mạnh sự thủy chung son sắt trong tình yêu của đôi bạn trẻ. Nó cũng đồng thời khẳng định ý

	chí và ước mơ đoàn tụ không gì lay chuyển của chàng trai và cô gái. => Qua những chi tiết, hình ảnh đó, người đọc có thể cảm nhận một cách chân thực, vẻ đẹp thiên nhiên, văn hóa con người đây. Đồng thời qua những chi tiết, hình ảnh này, đã làm nổi bật lên tình yêu của chàng trai dành cho cô gái, một tình yêu tha thiết, thủy chung.
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Hoàn thành bảng sau để đối chiếu truyện thơ và truyện dân gian

Tiêu chí	Truyện thơ	Truyện dân gian
Khái niệm		
Đặc điểm		
Cốt truyện		
Nhân vật		
Ngôn ngữ		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

- Nêu ý hiểu của em về nhan đề:

.....

- Tóm tắt nội dung tác phẩm “Lời tiễn dặn”

.....

- Ai là người kể chuyện trong văn bản?.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

PHIẾU 3.1: Đọc đoạn 1 để tìm hiểu tâm trạng của chàng trai và cô gái trên đường tiễn cô gái về nhà chồng.

- Khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng chàng trai có tâm trạng như thế nào?

.....

- Trên đường về nhà chồng cô gái có tâm trạng như thế nào?

.....

PHIẾU 3.2: Đọc đoạn 2 để tìm hiểu hoàn cảnh cô gái khi ở nhà chồng. Thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó.

- Hoàn cảnh cô gái khi ở nhà chồng:

.....

- Thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó:

.....

PHIẾU 3.3:

- Chỉ ra những đặc sắc nghệ thuật?

.....

- Văn bản viết về đề tài gì?.....

- Qua văn bản tác giả muốn nhắn gửi điều gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** So sánh được đặc điểm của thơ trữ tình và truyện thơ.
b. **Nội dung:** nhận xét về sự khác nhau giữa 1 bài thơ trữ tình và 1 truyện thơ.
c. **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu vấn đề. ? Từ văn bản nhận xét về sự khác nhau giữa 1 bài thơ trữ tình và 1 truyện thơ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận Hs trình bày bài viết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	Sự khác nhau - Thơ trữ tình: nội dung chính thường là trạng thái cảm xúc, suy tư của NVTT; tiếng nói của NVTT giữ vai trò chi phối. - Truyện thơ: nội dung chính là 1 câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật và sự kiện có diễn tiến trong không gian và thời gian; tiếng nói giữa người kể và nhân vật đan cài, hòa nhập.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Phân tích được 1 đoạn thơ của văn bản.
b. **Nội dung:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích 1 đoạn thơ trong văn bản mà em ấn tượng nhất.
c. **Sản phẩm:** bài viết của Hs
d. **Tổ chức thực hiện:**
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Yêu cầu Hs viết đoạn văn: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích 1 đoạn thơ trong văn bản mà em ấn tượng nhất.
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
Hs làm việc cá nhân
Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.
Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận
- HS khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, kết luận
4. Củng cố: Nắm được thể loại truyện thơ và cách thức tìm hiểu
5. HDVN: Chuẩn bị văn bản 2 trong sgk và trả lời các câu hỏi trong sách.

Tiết 37 - VĂN BẢN 2:

DƯƠNG PHỤ HÀNH (Bài hành về người thiếu phụ phương Tây) – Cao Bá Quát

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Học sinh nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

- + Học sinh phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây
- + Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- + Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

Học sinh hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả, từ đó, biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

– Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu

- SGK, SGV và “Kế hoạch bài dạy”.
- Tài liệu nguồn có văn bản đọc hiểu trong bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú qua sự chia sẻ, từ đó khơi gợi HS suy ngẫm về sự khác biệt văn hóa và cách ứng xử cần có khi đối diện với sự khác biệt đó

b. Nội dung: HS lắng nghe, suy nghĩ.

c. Sản phẩm: Hs chia sẻ về câu chuyện của mình, lắng nghe chia sẻ của người khác và định hướng bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	Ví dụ 1: Một anh chàng người Pháp inbox khẩn cấp cho fanpage trợ giúp tại

- Em đã biết câu chuyện thú vị nào về cuộc tiếp xúc văn hoá giữa những người đến từ hai thế giới: phương Đông và phương Tây? Hãy chia sẻ câu chuyện đó. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ, thực hiện B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày kết quả làm việc của mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức <i>Văn hóa phương Tây và phương Đông vốn rất khác biệt. Có rất nhiều tác giả đã cho người đọc thấy được những nét khác biệt đó trong tác phẩm của mình. Cao Bá Quát cũng vậy, đặc biệt hơn, ông biết du nhập và làm mới thơ văn của mình bằng những nét văn hóa, cái đẹp vượt xa ngoài lề giáo phong kiến phương Đông. Và một minh chứng cụ thể cho quan điểm trên chính là bài Dương phụ hành.</i>	Việt Nam: “Mọi người ơi giúp tôi với!!! Có chuyện gì đang xảy ra tại Hà Nội vậy? Mọi người đi đâu hết cả rồi? Tôi đói quá đi mất!” -> Đến Du lịch Việt Nam vào ngày Tết Ví dụ 2: Chuyện ăn uống khi làm khách Tại Ấn Độ và Nhật Bản, việc ăn không hết lại mang ý xúc phạm, cho thấy đồ ăn không ngon. Ví dụ 3: người đàn ông nước ngoài ăn phở Việt Nam. Họ không biết cách dùng đũa, loay hoay một hồi thì được bác chủ quán hướng dẫn cách cầm đũa nhưng vẫn không học được. Vì thế, bác đã cắt nhỏ phở giúp cho vị khách nước ngoài.
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được thông tin cần thiết về tác giả Cao Bá Quát, văn bản Dương phụ hành
- Hs đọc, hiểu nội dung

b. Nội dung:

- Gv hướng dẫn HS đọc và thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: Gv hướng dẫn cách đọc: - Đọc rõ ràng, mạch lạc. - Nghe nhìn SGK và gạch chân ở những từ ngữ quan trọng, chú ý những câu hỏi gợi mở trong thẻ đọc bên phải văn bản, trả lời nhanh các câu hỏi đó. Xem chú thích cuối chân trang. 2. Tác giả HS tìm hiểu tác giả và trả lời câu hỏi: - Tên, năm sinh, quê quán, những thành tựu. - Nêu ấn tượng đặc biệt nhất của em về Cao Bá Quát. 3. Văn bản - Xác định hoàn cảnh sáng tác - Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết về thể thơ đó	I. Đọc – hiểu khái quát 1. Tác giả: Cao Bá Quát (1808 – 1855) - Cao Bá Quát (1808 – 1855) nổi tiếng học rộng, tài cao, đỗ cử nhân sớm (1831) nhưng lận đận trên con đường làm quan. - Thơ văn phong phú về đề tài - Có cái nhìn nhân văn, tinh thần dân chủ - Là 1 nghệ sĩ có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, sẵn sàng đón nhận và trân trọng những nét đẹp mới mẻ, xa lạ với truyền thống. 2. Văn bản “Dương phụ hành” a. Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác trong chuyến “xuất dương hiệu lực” năm 1844 (nhà thơ theo phái bộ của triều đình đi công tác ở Indônêxia, xa quê hương, xa gia đình và tiếp xúc với nền văn hóa khác). b. Thể thơ: Thể hành + Một thể của thơ cổ phong

B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, rút ra thông tin cần thiết. B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận, khắc sâu nội dung.	+ Không hạn định về số câu, chỉ cần có vần, không cần đối, niêm, luật bằng trắc như thơ Đường. + Thường được sử dụng khi tác giả có nhu cầu kể, bày tỏ cảm xúc suy ngẫm về 1 sự việc gây ấn tượng → thường có yếu tố tự sự + Một số TP viết theo thể hành: Tì bà hành (Bạch Cư Dị), Sở kiến hành (Những điều trông thấy) - Nguyễn Du.
---	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS phân tích được các yếu tố tự sự trong thơ trữ tình; Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong thể hiện nội dung văn bản
- Hs cảm nhận được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

b. Nội dung:

- Gv hướng dẫn HS đọc và khám phá văn bản, thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình. - Dựa vào bản dịch nghĩa, chỉ ra một số điểm khác nhau giữa bản dịch thơ và bản phiên âm. .			II. Khám phá văn bản * Đọc văn bản 1. So sánh bản dịch thơ và bản phiên âm	
			Bản phiên âm	Bản dịch thơ
			Câu 1: “y như tuyết” - áo trắng như tuyết → hình ảnh so sánh (trong thơ cổ phương Đông, “ băng, tuyết ” là biểu tượng cho vẻ đẹp trong trắng, thanh khiết: “Mai cốt cách, tuyết tinh thần; Thôi nhà băng tuyết, chất hăng phi phong” – Truyện Kiều).	“áo trắng phau”: → chỉ gọi màu sắc, không làm toát lên được ngấm ý nói về vẻ đẹp thanh khiết → chưa thể hiện được cái nhìn đầy thiện cảm của nhân vật trữ tình với đối tượng quan sát
B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.				
B3. Báo cáo thảo luận Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.				
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề.			Câu 7: từ “phiên thân” -Nghĩa là: nghiêng mình - Dịch là “uốn éo” + Chuyển tải được nét nghĩa miêu tả hình dáng, tư thế + Chưa thật phù hợp với sắc thái biểu cảm	

	+ chỉ vẻ nũng nịu, duyên dáng của người thiếu phụ của từ trong nguyên tác vốn
Nhiệm vụ 2: B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình. - Không gian và thời gian trong bài thơ được tác giả miêu tả miêu tả như thế nào? Không gian đó có khác với không gian trong văn học phương Đông không? - Các yếu tố tự sự trong bài thơ? - Tác dụng nghệ thuật của các chi tiết miêu tả thời gian và không gian trong văn bản với việc biểu cảm tâm trạng của nhân vật trữ tình B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề. Đây là không gian vốn không quen thuộc trong thơ ca phương Đông, không gian tách khỏi khuê phòng, cung cấm, lũy tre làng.... Không gian rộng lớn ấy tương phản với sự nhỏ bé đơn chiếc của con người. Hình tượng không gian và thời gian dường như không liên quan gì với cảnh đôi lứa ngoại quốc ngồi bên nhau...., nhưng đối với tác giả nó dẫn đến những liên tưởng, những cảm xúc thâm kín, đó là con người cô đơn xa nhà giữa biển cả mênh mông.	2. Thời gian, không gian, yếu tố tự sự trong bài thơ - Thời gian: ban đêm - Không gian: rộng lớn. Mặt biển mênh mông, trăng đêm bát ngát, gió biển đêm, sương lạnh lẽo >< bé nhỏ đơn chiếc của con người - Các yếu tố tự sự: + Người thiếu phụ tựa vai chồng trong đêm trăng + Thấy thuyền người Nam có ánh đèn + Kéo áo chồng, cầm cốc sữa hờ hững + Đòi chồng đỡ dậy ➔ Gợi những liên tưởng, những cảm xúc thâm kín của một con người cô đơn xa nhà trong đêm trường lạnh lẽo giữa biển cả mênh mông
Nhiệm vụ 3: B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình. - Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây được tác giả miêu tả như thế nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận	3. Hình ảnh người thiếu phụ Phương Tây qua đôi mắt nhà thơ - Vẻ ngoài sang trọng, trẻ trung, duyên dáng + Trang phục: y như tuyết (trắng phau) → Tác giả tán thưởng kín đáo một vẻ đẹp xa lạ: vẻ đẹp trong sáng, rực rỡ + Ngôn ngữ, cử chỉ, tư thế: tự nhiên, chủ động và yêu kiều (Tựa vai chồng; Kéo áo chồng; đòi chồng nâng đỡ dậy) - Cuộc sống sung túc, đầm ấm, hạnh phúc: Cầm cốc sữa hờ hững trên tay; thể hiện tình

Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề.	yêu và hạnh phúc bằng những cử chỉ, điều bộ thân mật, nũng nịu → Tác giả miêu tả vẻ đẹp của người thiếu phụ phương Tây một cách khách quan, không biểu hiện thái độ phê phán mà tỏ vẻ tán thưởng, đồng cảm, kín đáo
Nhiệm vụ 4: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Từ cảnh hạnh phúc, trù mến của đôi lứa phương Tây, Nvtt có cảm xúc, tâm trạng, thái độ như thế nào - Tất cả những cử chỉ, thái độ của người thiếu phụ Phương Tây đều lạ mắt với người Phương Đông. + Ở phương Đông xưa, người vợ ít ra khỏi nhà, ít có trường hợp sánh đôi với chồng ở ngoài. + Người vợ ít nhận được sự trù mến, chăm sóc của chồng; Họ phải nâng khăn, sửa túi, hầu hạ chồng. → Những điều mới lạ đó gây ấn tượng đối với một con mắt sắc sảo, không hề tỏ thái độ phê phán, mà ngược lại miêu tả với những nét duyên dáng thể hiện sự tán thưởng, đồng cảm. → Cái nhìn của tác giả thật mới mẻ, táo bạo so với XhPK đương thời B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề.	4. Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình - Ngạc nhiên, ngỡ ngàng khi chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ. - Đồng cảm, trân trọng với HP của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây và những vẻ đẹp khác biệt, thậm chí xa lạ với nền văn hóa của dân tộc mình - Ân sâu sau nỗi sầu ly biệt là nỗi nhớ thương, niềm khát khao hạnh phúc gia đình và khát vọng đoàn tụ của Nvtt → <i>Cái nhìn khách quan, cởi mở, táo bạo, thể hiện một quan niệm mới mẻ, hiện đại.</i> → <i>Chất nhân văn sâu sắc trong tâm hồn tác giả</i>

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS tổng kết giá trị của văn bản.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS khái quát giá trị của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Theo em, điều gì tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ này ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận.	III. Tổng kết Bài thơ thể hiện cảm hứng của người nghệ sĩ trước cái đẹp, đồng thời cho thấy một tâm hồn giàu cảm xúc nhân văn,

B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, tổng hợp.	nhạy cảm tiếp nhận cái mới và một cái nhìn phóng khoáng, tiến bộ
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nắm vững kiến thức bài học để hoàn thành được các bài tập luyện tập
- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn tâm đắc nhất ở bài Dương phụ hành

b. Nội dung: Thực hiện bài tập luyện tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn tâm đắc nhất ở bài Dương phụ hành (*Nội dung: Một nét đẹp của hình tượng người thiếu phụ phương Tây hoặc của nv trữ tình * Nghệ thuật: Kết cấu bài thơ, thời gian, không gian, giọng điệu...) B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc yêu cầu, làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận HS chia sẻ bài làm của mình. HS còn lại lắng nghe và nhận xét. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và chốt lại vấn đề HS cần nắm vững trong bài.	Bài làm tham khảo Đọc tác phẩm “Dương phụ hành” ta thấy được mạch cảm xúc trữ tình và cái nhìn tiến bộ của tác giả Cao Bá Quát. Bài thơ là bức tranh đầy gợi cảm về hình ảnh người thiếu phụ Tây dương và ẩn đằng sau bức tranh đó là tâm trạng và tâm sự của nhân vật trữ tình. Đó là sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng khi chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ. Đó còn là sự đồng cảm, trân trọng với HP của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây. Ẩn sâu sau nỗi sầu ly biệt “Biết đâu nỗi khách biệt li này!” là nỗi nhớ thương, niềm khát khao hạnh phúc gia đình và khát vọng đoàn tụ của nhân vật trữ tình. Bài thơ thể hiện cảm hứng của người nghệ sĩ trước cái đẹp, đồng thời cho thấy một tâm hồn giàu cảm xúc nhân văn, nhạy cảm tiếp nhận cái mới và một cái nhìn phóng khoáng, tiến bộ của người trí thức Việt Nam những năm đầu thế kỉ XIX.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Tìm đọc một số bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và thể hiện những quan niệm mới mẻ, tiến bộ, sâu sắc về cuộc sống và văn chương của Cao Bá Quát.

c. Sản phẩm: Kết quả sưu tầm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS về nhà tìm đọc một số bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và thể hiện những quan niệm mới mẻ, tiến bộ, sâu sắc về cuộc sống và văn chương của Cao Bá Quát.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh nộp sản phẩm trên Padlet

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh trên Padlet.

4. Củng cố:

5. HDVN:

Tiết 38- VĂN BẢN 3

THUYỀN VÀ BIỂN (Xuân Quỳnh)

I. Mục tiêu bài học

- **Kiến thức:** HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại. Hiểu được triết lí sâu sắc về tình yêu của nhà thơ; chỉ ra được đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ.
- **Năng lực:** Năng lực tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng CNTT, năng lực đọc văn bản theo đặc trưng thể loại, năng lực ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản...
- **Phẩm chất:** Hình thành, bồi đắp tình yêu đúng đắn, có thái độ ứng xử nghiêm túc trong tình yêu; thủy chung trong tình yêu.

II. Chuẩn bị dạy học, học liệu

1. Thiết bị dạy học

Máy chiếu, bảng phụ

2. Học liệu

- Học liệu: Video clip, tranh ảnh.
- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ: (kiểm tra trong tiết dạy)

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác phẩm.
- b. **Nội dung:** Dẫn dắt bài mới
- c. **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

- Bước 1: GV cho học sinh nghe bài hát “ <i>Sóng</i> ” và nêu cảm nhận. - Bước 2: HS lắng nghe, nêu cảm nhận - Bước 3: GV nhận xét, gợi dẫn vào bài.	Sản phẩm của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS biết cách chắt lọc các thông tin quan trọng về nhà thơ Xuân Quỳnh; xác định được thể loại văn bản; chia được bố cục văn bản.

b. Nội dung: Tri thức về thể loại, tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Những dấu ấn về xuân Quỳnh và bài thơ “*Thuyền và biển*”

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: GV cho học sinh tìm hiểu tri thức về tác giả, thể loại ở nhà. Trên lớp giáo viên kiểm tra việc tìm hiểu các tri thức Ngữ văn đó bằng hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm. -Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Câu 1: Năm sinh, năm mất của Xuân Quỳnh: A. 1940-1989 B. 1942-1988 C. 1938-1978 D. 1942-1980 Câu 2: Dòng nào dưới đây nói đúng đặc điểm phong cách thơ Xuân Quỳnh? A. Giàu yếu tố tự thuật, giàu nữ tính, chân thành đằm thắm, mang nhiều dự cảm lo âu về tình, về cuộc đời. B. Giàu yếu tố tự thuật, hồn thơ mê đắm tài hoa. C. Giàu yếu tố tự thuật, giàu nữ tính, chân thành đằm thắm, triết lí sâu xa về cuộc đời. Câu 3: Đề tài nổi bật trong thơ Xuân Quỳnh là gì? A. Tình yêu, hạnh phúc gia đình, trẻ em. B. Chiến tranh, tình yêu C. Gia đình, tình yêu, quê hương đất nước. Câu 4: Bài thơ “<i>Thuyền và biển</i>” sáng tác vào thời điểm nào? A. Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1963) B. Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 8 năm 1963 và được in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1965). C. Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào năm 1966.	I. Tri thức Ngữ văn 1. Tác giả - Xuân Quỳnh (1942 – 1988) - Xuân Quỳnh sáng tác nhiều thể loại, đề tài đa dạng. Trong đó tình yêu, hạnh phúc gia đình và trẻ em là các đề tài chiếm vị trí nổi bật. - Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật. Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chắt chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu. 2. Bài thơ “<i>Thuyền và biển</i>” - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1963). Sau này, bài thơ được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, Hữu Xuân phổ nhạc thành các bài hát cùng tên. - Thể loại: thơ ngũ ngôn - Bố cục: + Ba khổ đầu + Hai khổ tiếp theo + Hai khổ kế tiếp + Hai khổ cuối

Câu 5: Xác định thể thơ của bài thơ? A. Thơ lục ngôn B. Thơ tự do C. Thơ ngũ ngôn D. Thơ mới -Bước 3: GV nhận xét, đánh giá	
---	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN THUYỀN VÀ BIỂN

2.1. Tìm hiểu khái quát

- a. Mục tiêu:** Học sinh biết cách đọc văn đúng theo đặc trưng thể loại, ngắt, nghỉ hợp lí
- b. Nội dung:** Đọc văn bản thơ trữ tình có kết hợp yếu tố tự sự
- c. Sản phẩm:** Đọc truyền cảm, đúng nhịp
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
- GV: Hướng dẫn HS đọc và theo dõi các thể đọc - HS: Đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV: Quan sát, khích lệ HS; nhận xét cách đọc của học sinh	Đọc văn bản với giọng truyền cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp

2.2. Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được yếu tố tự sự trong văn bản, nêu được cảm nhận ban đầu về bài thơ. HS nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong các khổ thơ.
- b. Nội dung:** Yếu tố tự sự trong bài thơ; nội dung và nghệ thuật của các đoạn thơ
- c. Sản phẩm:** Yếu tố tự sự trong bài thơ, nội dung và nghệ thuật của văn bản
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ + Em hãy chỉ ra những dấu hiệu hình thức nào chứng tỏ có một câu chuyện được kể trong bài thơ? + Em có cảm nhận gì về câu chuyện được kể trong bài thơ? Điểm độc đáo trong câu chuyện kể là gì? - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - Bước 3: HS trình bày kết quả - Bước 4: GV nhận xét, định hướng cho HS	II. Khám phá văn bản 1. Yếu tố tự sự trong bài thơ - Những dấu hiệu chứng tỏ có một câu chuyện được kể trong bài thơ: + Cụm từ: kể anh nghe + Nhân vật: thuyền và biển - Bài thơ này sinh từ một câu chuyện đơn giản. Nhà thơ mượn hình ảnh thuyền và biển để gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình trong tình yêu. Tình yêu của nhà thơ cũng rộng lớn, mênh mông thăm thiết như thuyền với biển.
-Bước 1: GV yêu cầu học sinh theo dõi hai khổ đầu, phân công nhiệm vụ nhóm đôi, thảo luận thực hiện yêu cầu phiếu học tập số 1. Thời gian thảo luận 3 phút. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Quan sát ba khổ thơ đầu và trả lời các câu hỏi	2. Ba khổ thơ đầu - Bài thơ bắt đầu bằng hình ảnh thuyền và biển, luôn sóng đôi với nhau, không thể tách rời. + Thuyền nghe lời biển khơi -> Chấp nhận bằng lòng + Biển đưa thuyền đi muôn nơi -> Sẵn sàng đi đâu. ->Thuyền và biển như cặp tình nhân-> Ba khổ thơ đầu là lời thủ thi ngọt ngào của người con

Câu 1: Câu chuyện được kể như thế nào trong ba khổ đầu? Câu 2: Qua hình ảnh thuyền và biển tác giả muốn nói lên điều gì? - Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của PHT theo nhóm. - Bước 3: GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung. GV nhận xét định hướng. GV: Như vậy, cứ một câu thơ nói về thuyền thì tương ứng là một lời thơ viết về biển. Sự sóng đôi này ngầm thể hiện sự gắn bó mật thiết không thể tách rời của hai hình tượng thuyền – biển. Đúng là chỉ có thuyền mới “xô sóng dậy” và sóng mới “đẩy thuyền lên”. Tình yêu tìm đến một không gian, thời gian lãng mạn. - Bước 4: GV nhận xét, đánh giá	gái đang tâm sự với chàng trai, gợi mở về một câu chuyện tình lãng mạn.
- Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận thực hiện yêu cầu phiếu học tập số 2 trên link Classkick. Thời gian thảo luận 5 phút. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 Quan sát hai khổ thơ tiếp theo và trả lời các câu hỏi Câu 1: Tình cảm của thuyền và biển được miêu tả như thế nào? Câu 2: Hình ảnh biển có gì đặc biệt? Câu 3: Cảm xúc trong đoạn thơ được vận động như thế nào? - Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện yêu cầu của PHT theo nhóm. - Bước 3: GV gọi đại diện nhóm trình bày sau khi thảo luận, nhóm khác bổ sung. GV nhận xét định hướng. - Bước 4: GV nhận xét, định hướng nội dung cần đạt	3. Hai khổ thơ tiếp theo - Tình cảm thuyền và biển: yêu thương, gắn bó, vững bền nhưng vẫn còn đôi chút ngại ngùng. - Hình ảnh so sánh biển như là một cô gái nhỏ -> đem đến cho tình yêu những màu sắc diệu kỳ, sự ấm áp và an lành. -Biển tượng trưng cho người con trai bởi sự mạnh mẽ của nó. Với Xuân Quỳnh biển ẩn dụ cho người con gái, bởi biển cũng có sự dịu dàng, chân thật, đặc biệt có sự rộng lớn như chính tình yêu của nhà thơ. ->Cảm xúc khi yêu rất thật, mạnh mẽ và ồ ạt không thể dự đoán được phương hướng. Khi yêu con người ta chỉ tuân theo cảm xúc, để mặc mình cho tình yêu đưa lối. => Cảm xúc vận động không ngừng nghỉ.
- GV: Yêu cầu học sinh theo dõi hai khổ thơ và trả lời các câu hỏi: Xuân Quỳnh quan niệm như thế nào về tình yêu? -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi	4. Hai khổ kế tiếp - Với Xuân Quỳnh yêu là phải: “gặp gỡ” “hiểu”, “biết”. + “Hiểu” là sự thấu hiểu của con người trong tình yêu. + “Biết” là sự hiểu biết về những biến đổi trong tình yêu, có khi bình lặng, khi lại xô bồ

-GV: Từ câu chuyện giữa thuyền và biển, con suy nghĩ gì về vấn đề “hiểu”, “biết” và “gặp” trong tình yêu? -HS phát hiện và trả lời - GV nhận xét chốt ý. -GV bình	để bản thân mỗi người biết cách để tự điều chỉnh. + “<i>Gặp</i>” là sự gặp gỡ, trò chuyện thân mật giữa những người mình yêu. = > Ba yếu tố trên là cách để ta duy trì mối quan hệ tình yêu được tốt đẹp, bền vững theo thời gian. -Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá -> diễn tả nỗi nhớ niềm đau khắc khoải khi phải xa nhau.		
- Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận thực hiện yêu cầu phiếu học tập số 3 trên link Classkick. Thời gian thảo luận 5 phút. <table><tr><td> PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 Quan sát hai khổ thơ cuối và trả lời các câu hỏi </td></tr><tr><td> Câu 1: Hai khổ thơ cuối bài đã bộc lộ cảm xúc, mong muốn gì của nhà thơ? Câu 2: Điệp từ “<i>nếu</i>” có tác dụng gì? Câu 3: Trong bài thơ có sự lồng ghép hai câu chuyện. Con có nhận xét gì về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ? </td></tr></table>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 Quan sát hai khổ thơ cuối và trả lời các câu hỏi	Câu 1: Hai khổ thơ cuối bài đã bộc lộ cảm xúc, mong muốn gì của nhà thơ? Câu 2: Điệp từ “<i>nếu</i>” có tác dụng gì? Câu 3: Trong bài thơ có sự lồng ghép hai câu chuyện. Con có nhận xét gì về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ?	5. Hai khổ cuối - Khao khát được sống một lần trọn vẹn với tình yêu. - <i>Điệp từ “nếu”</i> -> nỗi đón đau lên đến tột độ nếu chia xa, biểu lộ một tình yêu nồng thắm, mãnh liệt. - Nhận xét sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ: + Về mặt ý nghĩa, sự lồng ghép giữa câu chuyện của tác giả và câu chuyện của thuyền và biển diễn ra linh hoạt, đan xen với nhau. + Tác giả sử dụng ít những câu thơ nói trực tiếp về câu chuyện của mình, bởi tình yêu của tác giả cũng giống như thuyền và biển. Khi nói về thuyền và biển cũng là đang nói đến câu chuyện của tác giả.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 Quan sát hai khổ thơ cuối và trả lời các câu hỏi			
Câu 1: Hai khổ thơ cuối bài đã bộc lộ cảm xúc, mong muốn gì của nhà thơ? Câu 2: Điệp từ “<i>nếu</i>” có tác dụng gì? Câu 3: Trong bài thơ có sự lồng ghép hai câu chuyện. Con có nhận xét gì về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ?			
- Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện yêu cầu của PHT theo nhóm. - Bước 3: GV gọi đại diện nhóm trình bày sau khi thảo luận, nhóm khác bổ sung. GV nhận xét định hướng. - Bước 4: GV nhận xét, định hướng nội dung cần đạt	TÁC - ĐOÀN KẾT		

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản. Chỉ ra được vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ; tổng hợp được những nét đặc sắc về nghệ thuật.

b. Nội dung: Vai trò của yếu tố tự sự trong thơ, nghệ thuật đặc của bài thơ

c. Sản phẩm: Tổng hợp đánh giá nhận xét về bài thơ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: GV đặt vấn đề: Bài thơ giúp con hiểu gì về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình ? - Bước 2: HS phát hiện trả lời - GV: Bài thơ sử dụng yếu tố tự sự, con có nhận xét gì về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong văn bản? - Bước 3: GV nhận xét, định hướng	III. Tổng kết -Bài thơ là lời giải bày mong muốn về một tình yêu thủy chung, thấu hiểu, chia sẻ; đồng thời thể hiện khát vọng khám phá sự bao la, vô tận, vĩnh cửu trong tình yêu. - Nghệ thuật: + Sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, các phép điệp từ.

	+Thể thơ 5 chữ, đặc sắc. + Hình ảnh gợi hình, gợi cảm. -Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự: lôi cuốn người người đọc vào cuộc hành trình tinh thần; làm sáng tỏ nhiều cung bậc trong tình yêu, tạo nên sự đồng thuận, chia sẻ; làm đa dạng hoá các biểu hiện của nhân vật trữ tình...
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Viết được đoạn văn ngắn theo cách thức diễn dịch
- Tích hợp kiến thức bài đọc

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo đề tài yêu cầu

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Con hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ, phân tích tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ <i>Thuyền và biển</i> của Xuân Quỳnh? - Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu bài tập Bước 3: GV gọi đại diện HS trình bày sản phẩm -Bước 4: GV nhận xét bài viết của học sinh, chữa lỗi.	Yêu cầu viết đoạn: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ phân tích tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ <i>Thuyền và biển</i> của Xuân Quỳnh - Định hướng: + Đảm bảo hình thức, dung lượng; bố cục của đoạn văn + Triển khai được tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu. + Trình bày sạch sẽ, đúng chính tả..

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Biết xác định yếu tố tự sự và phân tích được yếu tố tự sự trong một văn bản trữ tình khác.

b. Nội dung: Phát hiện và phân tích yếu tố tự sự trong văn bản trữ tình

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh từ việc lựa chọn văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh Em hãy chọn một văn bản trữ tình có yếu tố tự sự và thực hiện các yêu cầu: -Chỉ rõ yếu tố tự sự trong văn bản - Phân tích tác dụng của yếu tố tự sự trong văn bản. Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo thảo luận vào tiết học sau Bước 4: GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Tìm đúng văn bản có yếu tố tự sự - Chỉ ra được tác dụng của yếu tố tự sự

4. củng cố

Giáo viên tổng hợp vấn đề

5. HDVN

- Nắm nội dung bài học
- Chuẩn bị bài tiếp theo: Thực hành Tiếng Việt : Lỗi về thành phần câu và cách sửa

Tiết 39

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp về thành phần câu và cách sửa từng loại lỗi

- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng ngôn ngữ dân tộc
- Ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: SGK 11 kì 1, SGV kì 1, Bảng giao nhiệm vụ cho HS, giáo án

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình
- Kết nối kiến thức tiếng Việt đã học trước với bài học

b. Nội dung: Kiến thức về thành phần câu

c. Sản phẩm: Những hiểu biết, chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng bảng biểu

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đặt câu giới thiệu nội dung được học môn Ngữ văn tiết trước - Xác định các thành phần - Xác định được các thành phần chính? Thành phần phụ của câu	- Câu học sinh tự đặt. Có thể chuẩn ngữ pháp, có thể mắc lỗi - Sơ đồ phân tích kết cấu câu
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs viết câu vào bảng biểu, phân tích thành phần câu và gọi tên các thành phần. B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo, nhận xét B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung tri thức về thành phần câu	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT: Lỗi về thành phần câu (Kiến thức Tiếng Việt được học)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu của chuẩn mực của tiếng Việt về ngữ pháp. Từ đó nhận ra những lỗi về thành phần câu thường mắc phải

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Giáo viên nhắc lại các thành phần câu trong tiếng Việt. - Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi: + Em hãy cho biết các lỗi về thành phần câu hay gặp là gì? + Làm sao để xác định câu có bị mắc lỗi về thành phần câu B2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận B3. Báo cáo thảo luận -HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá - GV khẳng định: + Để xác định Vị ngữ: đặt câu hỏi: làm gì? Như thế nào? Ra sao? +Để xác định chủ ngữ: đặt câu hỏi: Ai? Cái gì? + Sắp xếp câu: Chủ ngữ- vị ngữ + Nếu có hiện tượng bất thường, không viết đúng quy tắc, không chứa đựng một thông báo trọn vẹn thì có thể quy về hiện tượng lỗi	I.Các lỗi về thành phần câu hay gặp 1. Thiếu thành phần nòng cốt - Câu thiếu chủ ngữ Cách sửa: Làm cho câu có chủ ngữ- vị ngữ - Câu thiếu vị ngữ Cách sửa: Làm cho câu có đủ chủ ngữ- vị ngữ - Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ 2. Sắp xếp sai vị trí thành phần câu Đổi chủ ngữ đặt trước vị ngữ 3. Thiếu vế của câu ghép Cách sửa: Bổ sung vế câu

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học từ lớp dưới về thành phần câu

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 trong SGK - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm bài tập - Chia nhóm: + Nhóm 1: làm bài tập 1 + Nhóm 2: Làm bài tập 2 + Nhóm 3: Làm bài tập 3 + Nhóm 4: Viết 1 đoạn văn ngắn: 7 câu văn: trình bày quan niệm về lối sống tích cực B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày câu trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá	II. LUYỆN TẬP 1. Bài tập 1 a, Lỗi: thiếu chủ ngữ - Bởi vì: + <i>Bằng những khảo sát đáng tin cậy</i>: thành phần trạng ngữ + <i>đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần khô cạn</i>: thành phần vị ngữ - Cách sửa: tạo câu có chủ ngữ + Cách 1: biến trạng ngữ thành chủ ngữ: bỏ từ “<i>Bằng</i>” : Những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần khô cạn + Cách 2: Thêm chủ ngữ trước vị ngữ. Thêm chủ ngữ; bằng cách trả lời câu hỏi : <i>ai đã chỉ ra rằng?</i> thêm: <i>các nhà nghiên cứu/ các nhà khoa học</i> b, Lỗi: Sắp xếp sai vị trí thành phần trong câu - Bởi vì: + <i>Rất thú vị</i>: là cụm tính từ, phải đặt sau danh từ hoặc cụm danh từ để làm vị ngữ - Cách sửa: sắp xếp lại: cụm động từ/ cụm tính từ phải đặt sau danh từ/ cụm danh từ - Cách sửa cụ thể: đảo “<i>rất thú vị</i>” ra sau cụm danh từ: <i>Truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo, lạ lùng rất thú vị</i> c. Lỗi: thiếu thành phần chủ ngữ- vị ngữ. - Bởi vì: <i>Những con người giàu đức hi sinh ấy</i> mới chỉ là cụm danh từ, chưa thể là câu - Cách sửa + Cách 1: thêm chủ ngữ và động từ trung tâm, biến cụm danh từ thành bỏ ngữ: Mọi người đều biết ơn những con người giàu đức hi sinh ấy + Cách 2: Thêm vị ngữ: <i>Những con người giàu đức hi sinh ấy đáng được kính trọng, biết ơn.</i> d. Lỗi: thiếu chủ ngữ- vị ngữ - Bởi vì: <i>Theo báo Tuổi trẻ</i> là cụm từ có khả năng làm trạng ngữ - Cách sửa:

	+ Cách 1: Bỏ từ: “<i>theo</i>”, thêm thành phần bỏ ngữ sau từ: “cho biết” <i>Báo Tuổi trẻ cho biết sắp có cuộc thi tiếng Anh dành cho học sinh THPT</i> + Cách 2: thêm Chủ ngữ, vị ngữ, biến cụm từ đã cho thành trạng ngữ, bỏ cụm từ: <i>cho biết</i>: <i>Theo báo Tuổi Trẻ, Cuộc thi tiếng Anh dành cho HS THPT sắp diễn ra</i>
	e. Lỗi: Chưa có thành phần nòng cốt câu - Bởi vì: <i>Chữ người tử tù</i>: là tên nhan đề tác phẩm; “<i>một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân</i>” là thành phần giải thích/ phụ chú cho cụm danh từ đứng trước - Cách sửa: thêm động từ “là” xác lập mối quan hệ chủ vị: <i>Chữ người tử tù là một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân</i> g. Lỗi: Thiếu chủ ngữ - Bởi vì: <i>Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội</i>: là trạng ngữ; “<i>không phải bao giờ cũng chính xác</i>”: là vị ngữ - Cách sửa: bỏ từ “với” biến “<i>những tin tức lan truyền trên mạng xã hội</i>”: là chủ ngữ. 2. Bài tập 2 a. Lỗi: thiếu vị ngữ - Bởi vì: <i>truyện ngắn</i>: là chủ ngữ; “<i>thể loại linh hoạt ấy</i>”: là cụm danh từ- vai trò giải thích/ phụ chú - Cách sửa: thêm vị ngữ: <i>Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy, được các nhà văn dành ưu ái viết nhiều hơn các thể loại khác.</i> b. Lỗi: Vị trí các thành phần câu bị đảo, không phù hợp - Cách sửa: <i>Một nhóm họa sĩ đến từ thành phố đã vẽ bức tranh tường hoành tráng ấy</i> c. Thiếu một vế câu - Bởi vì: trong Tiếng Việt, quan hệ từ “<i>không chỉ</i>” bao giờ cũng đi với “<i>mà còn</i>”: <i>Số Đỏ không chỉ là một tác phẩm trào phúng đặc sắc bậc nhất trong văn học VN trước 1945, mà còn là tác phẩm xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.</i> d. Lỗi : thiếu vị ngữ

	- Bởi vì: <i>Văn bản nghị luận</i>: là chủ ngữ; <i>loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc</i>: là thành phần phụ chú, giải thích cho cụm từ trước - Cách sửa 1: thêm: động từ : là vào giữa hai cụm từ đã cho: <i>Văn bản nghị luận là loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc</i> - Cách sửa 2: Giữ nguyên chủ ngữ, thành phần phụ chú, thêm vị ngữ: <i>Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc, được sử dụng nhiều trong đời sống hiện nay.</i> 3. Bài tập 3 Trong văn bản văn học, có nhiều cách tạo câu thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo của nhà văn a. <i>Bị đạo lí</i>: là 1 câu, ko có chủ ngữ, chủ ngữ ở câu trước. Tác dụng nhấn mạnh ý, và người đọc vẫn hiểu được ý nghĩa của nó b, <i>Mắt mèo hoang</i>: là cụm danh từ, không phân định được đóng vai trò thành phần nào trong câu. Dựa và câu sau có thể hiểu được nghĩa của câu c. <i>Anh Ba Hoàn</i>: được tách thành câu. Vừa có ý khẳng định, vừa thể hiện sự ngạc nhiên, và dựa vào câu trước người ta vẫn hiểu nghĩa của câu.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã học để có thể nhận ra lỗi sai của bạn mình

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu đoạn văn sau và yêu cầu HS phát hiện lỗi về thành phần câu và sửa lỗi:

Sùng bái vật chất- một cụm từ tưởng quen mà hoá lạ. Nó đã và đang trở thành một hiện tượng đáng chú ý trong xã hội hiện nay. Có thể hiểu sùng bái vật chất là quan niệm dùng vật chất để khẳng định, thể hiện bản thân. Một hiện tượng tiêu cực.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm bài

B3. Báo cáo thảo luận: Trao đổi thảo luận

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và cho điểm

4. củng cố: GV gọi HS khái quát những lỗi về thành phần hay mắc phải

5. HDVN: HS soạn bài: **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội**

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 40,41

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU

- Về kiến thức:** Hoàn thiện kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.
- Về năng lực:** Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học
- Về phẩm chất:** Chủ động trong việc bàn luận về chủ đề, biết kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân.
- HS biết rèn luyện đạo đức liêm chính và trách nhiệm của thế hệ trẻ với bản thân và xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học:** Bảng ghi, máy tính, máy chiếu
- Học liệu:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế hào hứng, tích cực cho HS
- Nội dung:** HS lựa chọn thể hiện một biểu hiện của lối sống tích cực trong xã hội hiện đại
- Sản phẩm:** Đoạn kịch ngắn thể hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu một nhóm HS diễn kịch, những HS còn lại chú ý theo dõi tiểu phẩm B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS diễn kịch và theo dõi tiểu phẩm	- HS diễn xuất tự nhiên

B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS đánh giá và tự đánh giá - GV chốt đánh giá	- HS rút ra được thông điệp về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

a. Mục tiêu: HS nhận thức được lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

b. Nội dung: Lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

c. Sản phẩm: Hiểu biết của HS lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ và cho biết: Thế nào là lối sống tích cực trong xã hội hiện đại? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và tìm câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày cách hiểu về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại B4. Đánh giá kết quả thực hiện: HS đánh giá và GV chốt lại	I. Lối sống tích cực trong xã hội hiện đại Là lối sống hướng con người tới những điều tốt đẹp: - Suy nghĩ tích cực, lạc quan; biết cân bằng cảm xúc - Công hiến và tận hưởng niềm vui, ý nghĩa của cuộc sống - Sống nhân ái, giàu yêu thương - Có trách nhiệm với bản thân và đồng loại - Luôn cố gắng, nỗ lực không ngừng trong xã hội thay đổi phát triển tiến bộ từng ngày...

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS chỉ ra được hệ thống luận điểm, cách trình bày rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng cụ thể, xác thực

b. Nội dung: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc văn bản nghị luận tham khảo và làm việc nhóm đôi trả lời các câu hỏi trang 118 SGK B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc văn bản - HS thực hiện hoạt động nhóm đôi B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện 3 nhóm trình bày (mỗi nhóm trả lời một câu hỏi) B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Đọc bài viết 2. Phân tích bài viết a) Vấn đề chính được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của nó. - Vấn đề chính: Cư dân của hành tinh - Ý nghĩa: Từ việc trình bày nguồn gốc và thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới... Từ đó, mỗi người thấy được vị trí, vai trò của mình trong hành tinh b) Hệ thống luận điểm được triển khai trong bài viết. - Luận điểm 1: Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người - Luận điểm 2:

- HS nhận xét, bổ sung (nếu cần) - GV chốt lại	Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới - Luận điểm 3: Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc - Luận điểm 4: Xem xét vấn đề từ góc nhìn khác - Luận điểm 5: Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bàn luận c) Nhận xét về mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra. - Bằng chứng tiêu biểu, xác thực - Bằng chứng cụ thể, chi tiết nhưng giàu sức khái quát
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Biết chọn đề tài phù hợp, luyện kĩ năng viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội

b. Nội dung: Viết bài nghị luận về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm một số đề tài thể hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại và thống nhất chọn một đề tài để viết bài B2. Thực hiện nhiệm vụ: Mỗi HS tìm ít nhất được một đề tài thể hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại B3. Báo cáo thảo luận: - Một số HS nêu đề tài lựa chọn của mình (có thể lựa chọn đề tài được gợi ý trong SGK, hoặc ngoài SGK) - Cả lớp thống nhất chọn đề tài chung (được đồng ý lựa chọn nhiều nhất) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá việc chọn đề tài của từng thành viên và thống nhất đề tài chung của cả lớp	III. Viết bài nghị luận về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài được gợi ý trong SGK: + Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn + Thực hành lối sống xanh + Đấu tranh cho sự bình đẳng giới + Tôn trọng sự khác biệt + Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ ... - Đề tài ngoài SGK: + Yêu thương bản thân + Đọc sách mỗi ngày + Luyện rèn thân, tâm, trí + Học tập những tấm gương + Thay vì than trách, đổ lỗi hãy tập trung tìm kiếm giải pháp

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm ý, lập dàn ý cho bài viết về đề tài vừa thống nhất chọn	2. Lập dàn ý - Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu luận đề - Thân bài:

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm ý, lập dàn ý B3. Báo cáo thảo luận: 1-2 HS viết dàn ý trên bảng B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS góp ý, bổ sung (nếu cần) - GV chốt lại	+ Triển khai hệ thống luận điểm + Những minh chứng + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (phản đề) + Ý nghĩa - Kết bài: Khái quát lại quan điểm đã trình bày và bài học của “lối sống tích cực” đối với người viết
---	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết bài về đề tài vừa thống nhất chọn. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết ra giấy B3. Báo cáo thảo luận: HS đọc bài viết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét	3. Viết bài - HS bám sát vào dàn ý đã được góp ý, chỉnh sửa phù hợp để thực hành viết bài - Lưu ý: + Luận điểm cần được triển khai cụ thể, rõ ràng + Giữa các đoạn văn có sự nối tiếp, chuyển ý + Bằng chứng xác thực + Kết hợp các phương thức biểu đạt, thao tác lập luận + Dùng từ độc đáo, viết câu linh hoạt + Sử dụng biện pháp tu từ trong diễn đạt... 4. Kiểm tra, chỉnh sửa (nếu cần) và hoàn thiện bài viết - Xem xét tính hợp lí của bố cục bài viết - Phát hiện lỗi và sửa lỗi

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: HS hiểu về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại và biết cách viết bài nghị luận về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

b. Nội dung: Ưu điểm và hạn chế của bài viết

c. Sản phẩm: Rút kinh nghiệm về cách nhìn, cách viết

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu một HS đọc bài viết, các HS lắng nghe và nhận xét B2. Thực hiện nhiệm vụ: Một HS đọc bài viết, các HS lắng nghe, ghi chép những điều cần góp ý B3. Báo cáo thảo luận: HS chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của bài viết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS tự đánh giá và đánh giá - GV chốt lại	Ưu điểm và hạn chế của bài viết: + Tính hợp lí + Sự sáng tạo + Cách diễn đạt + Sự thuyết phục của bằng chứng ...

4. củng cố:

Cách làm bài nghị luận về một vấn đề xã hội:

- Mở bài: Dẫn dắt, nêu luận đề

- Thân bài:
 - + Giải thích (nếu cần)
 - + Phân tích, chứng minh các luận điểm
 - + Đánh giá ý nghĩa, vai trò
 - + Phản đề
- Kết bài: Liên hệ, bài học

5. HDVN:

- Lựa chọn thêm ít nhất một đề tài về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại và luyện viết bài
- Thực hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 42

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG XÃ HỘI (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Học sinh từng bước hoàn thiện kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.

2. Năng lực

Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Học sinh chọn được đề tài phù hợp với định hướng viết của Bài 4, phân biệt với định hướng viết của Bài 3.

3. Phẩm chất

Biết lắng nghe, thể hiện được thái độ tôn trọng lẫn nhau trong quá trình thảo luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- KHBD, bài giảng Power Point.
- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Tivi, máy tính kết nối mạng.
- Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh

SGK, sách Bài tập Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ
3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.
- + Hình thành và phát triển năng lực: HS thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những thách thức của đời sống hiện đại.

b. Nội dung: HS lựa chọn 01 đề tài

c. Sản phẩm: giấy note ghi đề tài HS ấn tượng và đã chuẩn bị cho phần trình bày nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	HS có cảm xúc để lựa chọn một đề tài phù hợp có ấn tượng sâu sắc, gợi hứng thú chia sẻ với giáo viên và học sinh trong lớp.

GV yêu cầu HS chọn đề tài thảo luận phù hợp, có khả năng lôi cuốn được nhiều người tham gia phát biểu ý kiến và gửi lại cho GV. Bước 2+ 3: Thực hiện + báo cáo nhiệm vụ HS chia sẻ. Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác bổ sung - GV tổng hợp, nhận xét, kết luận	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu

- + Học sinh nắm bắt được các yêu cầu, mục đích, chủ đề thảo luận về một vấn đề trong xã hội: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- + Học sinh biết tôn trọng ý kiến, quan điểm cá nhân trước cuộc sống, chấp nhận sự khác biệt tích cực.
- + Biết cách thảo luận và trình bày ý kiến.
- + Hình thành và phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp tiếng Việt, tư duy tổng hợp, hợp tác.

b. Nội dung: Thảo luận lựa chọn đề tài nói và trình bày nói

c. Sản phẩm dự kiến: Phần chuẩn bị bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Thao tác 1: Chuẩn bị thảo luận Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 02 nhóm và tổ chức bắt thăm cho nhóm mình 1 trong các đề tài đã được đề xuất ở phần Viết. - Các nhóm thảo luận đề tài của mình qua các nội dung: Đề tài; tìm ý và sắp xếp ý; xác định từ ngữ then chốt. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm để thống nhất vấn đề. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS trình bày vấn đề theo yêu cầu của GV. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV bổ sung và hoàn thiện.	I. CHUẨN BỊ THẢO LUẬN 1. Chuẩn bị nói * Lựa chọn đề tài - Đề tài hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. + Tự bảo vệ mình trước tệ nạn + Thực hành lối sống xanh + Đấu tranh và bình đẳng giới + Tôn trọng sự khác biệt + Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội + Cảm thông chia sẻ với những hoàn cảnh éo le, hoạn nạn. * Xác định từ ngữ then chốt - Có thể sử dụng các cụm từ phù hợp với kiểu bài nói này như: Tôi cho rằng; Với lối sống này có rất nhiều cách hiểu; Theo cá nhân tôi; Với cách tiếp cận khác ta có thể thấy; Có thể khẳng định rằng... 2. Chuẩn bị nghe - Khi nghe thảo luận về một ý kiến khác nhau (Tranh luận, phản biện). Người nghe cần tìm hiểu các thông tin cơ bản, đề tài được nêu xung quanh vấn đề thảo luận. - Ghi lại những ý cơ bản của bài thảo luận,

	đặc biệt là quan điểm cá nhân người nói. - Khi cần tham gia thảo luận bàn bạc, phản biện để cùng đi đến cách hiểu thỏa đáng, thống nhất về vấn đề.
* Thao tác 2: Thảo luận (nói) Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân (ghi vào giấy giàn ý nói) và thực hiện nói. - HS thuộc nhóm đề tài nào sẽ trình bày bài nói về đề tài đó. - GV hướng dẫn HS cách tổ chức thảo luận: Người điều hành; Thư kí ghi chép nội dung thảo luận; lập danh sách những người đăng kí/ chỉ định phát biểu. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân - GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nói và nghe Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV tổ chức đánh giá bài viết của HS để bổ sung và hoàn thiện.	II. THẢO LUẬN (NÓI) 1. Người nói - Kính thưa... Giới thiệu bản thân... - Nêu đề tài của bài nói, trình bày lí do lựa chọn đề tài (lối sống tích cực trong xã hội hiện đại). - Trình bày các ý của bài nói + Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận. + Nắm bắt được tốt nội dung và các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận. + Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liên mạch với ý kiến đã phát biểu trước đó. + Thể hiện được văn hóa tranh luận khi nêu ý kiến phản bác. + Biết sử dụng kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ cho bài nói được hấp dẫn, sinh động. + Phát biểu theo đúng khung thời gian quy định. - Khái quát lại nội dung của bài nói để khẳng định, từ đó có thể mở rộng vấn đề. Chú ý: - Lựa chọn các từ ngữ chuyên tiếp để tạo sự liên kết chặt chẽ, hấp dẫn cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ: Đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, tóm lại, thứ nhất, thứ hai,... - Phối hợp giữa giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: giọng điệu kết hợp cử chỉ, điệu bộ. - Có thể sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ,... (nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói. 2. Người nghe - HS theo dõi tiến trình thảo luận. - Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm. - Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình.

- Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

(Trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã được học ở phần hình thành kiến thức vào các tình huống cụ thể thông qua hệ thống các bài tập.

b. Nội dung: HS trình bày được bài nói.

c. Sản phẩm dự kiến: Bài nói của HS và lắng nghe, trao đổi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
THỰC HÀNH NÓI – NGHE Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thực hành đối vai nói – nghe cho nhau, trong 1 tiết đảm bảo tối thiểu 3 bạn được thuyết trình. Đề tài: Chọn một trong hai vấn đề sau để trình bày trước lớp: (1) Tự bảo vệ mình trước tệ nạn (2) Cảm thông chia sẻ với những hoàn cảnh éo le, hoạn nạn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tham gia thực hành. Bước 3: Báo cáo kết quả Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận (dựa trên bảng kiểm) - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	III. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE Người nói: - Cách mở đầu: giới thiệu ngắn gọn và khuyến khích đa dạng cách dẫn dắt. - Cách triển khai: trình bày lần lượt các thông tin một cách tóm lược kết hợp nhịp nhàng với trình chiếu. - Kết luận: khái quát lại và đánh giá tính nghệ thuật của tác phẩm. Có thể kết bằng câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn, phát hiện khác. Người nói cần: - Trả lời những thắc mắc từ người nghe. - Thể hiện thái độ tiếp nhận chân thành, cởi mở. - Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn. Người nghe: - Thái độ tôn trọng, quan tâm đến cảm xúc người thuyết trình. - Ghi chép ý tưởng khiến mình hứng thú, điểm bạn còn băn khoăn muốn trao đổi. - Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn về những điều bạn tâm đắc ở tác phẩm. - Chú ý phong thái người thuyết trình. IV. TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM - Người điều hành tổng kết thảo luận, nêu những điều đã đạt được đồng thuận và những điều còn có ý kiến khác nhau, đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của đề tài (lối sống tích cực trong xã hội hiện đại), vấn đề thảo luận trong việc giúp mỗi người xác định được thái độ sống tích cực. - Người điều hành biết cách biểu dương, khích lệ sự đóng góp của tập thể và từng cá nhân cho sự thành công của cuộc thảo luận. - Tập thể cùng rút kinh nghiệm về khâu tổ chức thảo luận, từ bước chuẩn bị đến bước triển khai. - Từng cá nhân tự rút ra những bài học cho bản thân về kỹ năng phát biểu và kỹ năng tương tác – nói nghe trong thảo luận.

	- Thực hiện đánh giá và đánh giá về trình bày dựa trên các nội dung được nêu trong bảng sau:
--	--

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) để thảo luận (lí do, mục đích chọn vấn đề).		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề xã hội (lối sống tích cực) mà bản thân chọn lựa.		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác vấn đề được đặt ra.		
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.		
5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp.		
6	Tạo được không khí đối thoại thỏa mái, bình đẳng.		

4. RÚT KINH NGHIỆM

a. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm

b. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy

5. HDVN:

PHỤ LỤC

- Tư liệu sử dụng
- Mẫu phiếu học tập

PHIẾU THỰC HÀNH NÓI NGHE

Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt	

THANG ĐO KĨ NĂNG TRÌNH BÀY VẤN ĐỀ

Hướng dẫn: Hãy ghi lại mức độ thường xuyên mà người học thực hiện những hành vi dưới đây khi thực hiện nhiệm vụ trình bày. Với mỗi hành vi, hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ thường xuyên, cụ thể:

- Mức độ 1: Chưa bao giờ
- Mức độ 2: Đôi khi
- Mức độ 3: Thường xuyên
- Mức độ 4: Luôn luôn

I. Chuẩn bị					
4	3	2	1		A. Tìm hiểu kĩ vấn đề trình bày và đối tượng người nghe.
4	3	2	1		B. Lập dàn ý chi tiết cho phần trình bày.
4	3	2	1		C. Tập trình bày thử để làm chủ nội dung trình bày.
II. Trình bày					

4	3	2	1	A. Chào khán giả và tự giới thiệu nội dung trình bày, giới thiệu ngắn gọn về bản thân (nếu cần thiết).
4	3	2	1	B. Bám sát dàn ý chuẩn bị để lần lượt trình bày các nội dung của vấn đề.
4	3	2	1	C. Giọng nói đủ to, rõ ràng để tất cả người nghe đều có thể tiếp nhận được thông tin.
4	3	2	1	D. Diễn đạt trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt để chuyển tiếp nội dung này sang nội dung khác.
4	3	2	1	E. Sử dụng ngôn ngữ nói kết hợp điệu bộ cử chỉ và sự biểu cảm qua nét mặt, ánh mắt phù hợp với nội dung trình bày.
4	3	2	1	G. Tương tác với người nghe thông qua ánh mắt và các câu hỏi gợi dẫn.
4	3	2	1	III. Kết thúc vấn đề và cảm ơn người nghe

